UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17 /2020/QĐ-UBND	*Bắc Ninh, ngày 10 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định trình tự thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;

Căn cứ Luật Phòng cháy, chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ Về quản lý đầu tư phát triển đô thị;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ các Văn bản pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 33/TTr-KHĐT.ĐKKD ngày 16/7/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 11 năm 2020.

Quyết định này thay thế Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định trình thực hiện các dự án đầu tư ngoài khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh và Quyết định

số 30/QĐ-UBND ngày 10/12/2019 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp; Cục kiểm tra văn bản;
- TTTU, TTHĐND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VP Tỉnh ủy, VP HĐND, VP ĐĐBQH tỉnh ;
- TAND, Viện KSND tỉnh;
- Bộ Chỉ huy quân sự; Công an tỉnh;
- Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Cổng TTĐT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: CVP, PCVP, CVNC;
- Lưu: VT, KTTH Q.C

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Quang Khải

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Trình tự thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 17 /2020/QĐ-UBND ngày 10 /11/2020 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về trình tự thực hiện các dự án đầu tư có sử dụng đất ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh.

2. Các dự án đầu tư trong quy định này là dự án có sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc vốn đầu tư công; không bao gồm: dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội; dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp; dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP); dự án thuộc đối tượng đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai; dự án phải thực hiện theo Luật quản lý sử dụng tài sản công; các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có đề nghị hỗ trợ theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

3. Những nội dung liên quan khác không nêu trong Quy định này, thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành về đầu tư, xây dựng, đấu thầu, đất đai, nhà ở và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan Nhà nước có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, bao gồm:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư;

b) Sở Xây dựng;

c) Sở Tài nguyên và Môi trường;

d) Văn phòng UBND tỉnh;

đ) Các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên ngành;

e) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (UBND cấp huyện)

2. Nhà đầu tư là các tổ chức, cá nhân hoặc doanh nghiệp đầu tư xây dựng ngoài khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Nguyên tắc chung

1. Phù hợp quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch xây dựng, quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch ngành, lĩnh vực liên quan theo các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện công tác quản lý các dự án đầu tư thông qua văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đầu tư; quy hoạch, cấp phép và quản lý xây dựng công trình; quy hoạch và quản lý sử dụng đất, tài nguyên, môi trường theo quy định.

3. Các dự án đầu tư có sử dụng đất phải được thực hiện một trong các hình thức sau: đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, xử lý tài sản theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Dự án có sử dụng đất phải thực hiện lập, phê duyệt và công bố danh mục lựa chọn nhà đầu tư theo quy định này. Đối với các dự án nhà ở, khu đô thị phải thực hiện chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi công bố danh mục dự án đảm bảo theo quy định của pháp luật về nhà ở.

5. Trên cơ sở danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của các sở, ban, ngành được chuẩn hóa, Trung tâm Hành chính công tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn giải quyết theo nguyên tắc "tiếp nhận, trả kết quả".

6. Chỉ cho phép mở rộng diện tích thực hiện dự án đối với dự án đang hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4. Trình tự thực hiện

1. Bước 1. Giới thiệu địa điểm (khi có yêu cầu) và quy hoạch xây dựng.

2. Bước 2. Lựa chọn nhà đầu tư

3. Bước 3. Đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường; thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Bước 4. Thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước, cấp điện...); thiết kế cơ sở; phê duyệt dự án; thẩm, duyệt thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công, phòng cháy chữa cháy; cấp giấy phép xây dựng.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

GIỚI THIỆU ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY HOẠCH XÂY DỰNG

Điều 5. Giới thiệu địa điểm

1. Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng có trách nhiệm giới thiệu địa điểm đầu tư xây dựng cho các Nhà đầu tư khi có yêu cầu. Địa điểm được giới thiệu để đầu tư xây dựng phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy mô, tính chất đầu tư, tiết kiệm diện tích đất xây dựng; không làm ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường của vùng, khu chức năng đặc thù và khu vực nông thôn.

Dự án cần được giới thiệu địa điểm cụ thể:

a) Dự án thực hiện tại khu vực chưa có quy hoạch phân khu; khu vực chưa rõ chức năng sử dụng đất; khu vực đã có quy hoạch xây dựng được duyệt nhưng cần điều chỉnh hoặc tại các vị trí đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu.

b) Dự án do nhà đầu tư đề nghị giới thiệu địa điểm.

2. Cơ quan giải quyết

a) Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thụ lý hồ sơ đối với trường hợp xây dựng bãi tập kết cát, sỏi lòng sông và vật liệu xây dựng; trình tự thực hiện theo quy định tại Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh.

b) Sở Xây dựng thụ lý hồ sơ trình UBND tỉnh quyết định đối với các trường hợp không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Khoản này.

3. Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường được công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 6. Quy hoạch xây dựng (QHXD)

1. Cung cấp thông tin quy hoạch

a) Cơ quan giải quyết

- Sở Xây dựng là cơ quan đầu mối cung cấp thông tin QHXD cho các tổ chức, cá nhân trừ các đối tượng thuộc thẩm quyền của Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện.

- Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện cung cấp thông tin QHXD cho tổ chức, cá nhân tại nơi đã có quy hoạch chi tiết và thiết kế đô thị được duyệt. Khi cung cấp thông tin QHXD, nếu có nội dung chưa rõ Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện đề nghị Sở Xây dựng có ý kiến bằng văn bản.

b) Đối tượng: Tổ chức, cá nhân có nhu cầu cung cấp thông tin quy hoạch.

c) Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng, UBND cấp huyện được công bố và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

2. Thẩm định và phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chi tiết (QHCT) xây dựng

a) Cơ quan giải quyết

- Sở Xây dựng thẩm định nhiệm vụ quy hoạch đô thị thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh, trừ nhiệm vụ QHCT các khu vực thuộc dự án đầu tư xây dựng được cấp Giấy phép quy hoạch (sau đây gọi tắt là GPQH).

- Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện thẩm định nhiệm vụ thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện, trừ nhiệm vụ QHCT các khu vực thuộc dự án đầu tư xây dựng được cấp GPQH.

- Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng phê duyệt nhiệm vụ QHCT khu vực đã được cấp GPQH, trừ trường hợp dự án nằm trong khu chức năng đặc thù.

b) Đối tượng: Các dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô từ 05 ha trở lên hoặc 02 ha trở lên đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư.

c) Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng, UBND cấp huyện được chuẩn hóa và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

3. Thẩm định và phê duyệt đồ án QHCT xây dựng

a) Cơ quan giải quyết

- Sở Xây dựng thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt đồ án QHCT các khu vực đô thị có phạm vi liên quan đến địa giới hành chính của 2 huyện trở lên, khu vực có ý nghĩa quan trọng được xác định tại Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh, khu vực trong đô thị mới.

- Phòng có chức năng quản lý xây dựng thuộc UBND cấp huyện thẩm định, trình UBND cấp huyện phê duyệt nhiệm vụ và đồ án QHCT trong phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý, trừ các khu vực thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND tỉnh.

b) Đối tượng: Các dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô từ 05 ha trở lên hoặc 02 ha trở lên đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư.

c) Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng, UBND cấp huyện được chuẩn hóa và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Mục 2

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Phần 1

LẬP, PHÊ DUYỆT VÀ CÔNG BỐ DANH MỤC DỰ ÁN

Điều 7. Trình tự lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án

1. Lập danh mục dự án có sử dụng đất;

2. Phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất;

3. Công bố danh mục dự án;

4. Chuẩn bị, nộp hồ sơ và đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

Điều 8. Lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án

1. Dự án đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 11 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP (trừ dự án thuộc trường hợp quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu hoặc Khoản 3 Điều 10 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP) thực hiện lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP. Cụ thể:

a) Lập danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất:

Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện và Nhà đầu tư lập đề xuất dự án đầu tư có sử dụng đất gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp.

Nội dung văn bản và hồ sơ đề xuất thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP và văn bản xác định nguồn gốc sử dụng đất, loại đất thu hồi.

b) Phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất:

Việc phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

c) Công bố danh mục dự án:

Căn cứ quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại Điểm b Khoản này, Sở Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định tại Khoản 4 Điều 12 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, đồng thời công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đề xuất lập danh mục dự án, UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị; UBND xã, phường, thị trấn nơi thực hiện dự án niêm yết công khai tại trụ sở.

2. Đối với các dự án thuộc phạm vi điều chỉnh theo quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP thực hiện lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án như sau:

a) Lập danh mục dự án: Thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Phê duyệt danh mục dự án:

- Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ đề xuất hợp lệ quy định tại Điểm a Khoản này, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp danh mục dự án, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, bao gồm các nội dung: Tên dự án; mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư của dự án; sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án; tóm tắt các yêu cầu cơ bản của dự án; thời hạn, tiến độ đầu tư; địa điểm thực hiện dự án, diện tích khu đất, mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt, hiện trạng khu đất; địa chỉ, số điện thoại, số fax của Sở Kế hoạch và Đầu tư; các thông tin khác (nếu cần thiết).

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định, trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến bằng văn bản yêu cầu đơn vị đề xuất bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét, phê duyệt danh mục dự án.

c) Công bố danh mục dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục dự án đã được phê duyệt theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, đồng thời công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đề xuất lập danh mục dự án, UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị; UBND xã, phường, thị trấn nơi thực hiện dự án niêm yết công khai tại trụ sở.

3. Đối với các dự án không thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này thực hiện lập, phê duyệt và công bố danh mục dự án như sau:

a) Lập danh mục dự án: Thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

b) Phê duyệt danh mục dự án: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều này.

c) Công bố danh mục dự án: Sở Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục dự án đã được phê duyệt trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư; cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh đề xuất lập danh mục dự án, UBND cấp huyện nơi thực hiện dự án công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của đơn vị; UBND xã, phường, thị trấn nơi thực hiện dự án niêm yết công khai tại trụ sở.

Điều 9. Chuẩn bị, nộp hồ sơ và đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

1. Các dự án thuộc quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này thực hiện các thủ tục theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

2. Các dự án thuộc quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quy định này thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư quan tâm nộp Bản đăng ký thực hiện dự án trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh như sau:

- Trường hợp có hai nhà đầu tư trở lên quan tâm, thực hiện tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 16 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

- Trường hợp chỉ có một nhà đầu tư quan tâm, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo và hướng dẫn Nhà đầu tư nộp hồ sơ thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật khác có liên quan.

3. Các dự án thuộc quy định tại Khoản 3 Điều 8 Quy định này thực hiện như sau:

a) Nhà đầu tư quan tâm nộp Bản đăng ký thực hiện dự án tới Sở Kế hoạch và Đầu tư trong vòng 30 ngày kể từ ngày đăng công bố danh mục dự án.

b) Hết thời hạn đăng ký thực hiện dự án theo quy định, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh như sau:

- Trường hợp có một nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, thông báo và hướng dẫn Nhà đầu tư nộp hồ sơ thực hiện thủ tục quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của pháp luật về Đầu tư và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

- Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đăng ký thực hiện dự án, thực hiện tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Chương IV Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

Phần 2

ĐẤU THẦU LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN CÓ SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 10. Thẩm quyền trong lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất

Thực hiện theo quy định tại Điều 77, Điều 78, Điều 79 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP, cụ thể:

1. Chủ tịch UBND tỉnh là người có thẩm quyền phê duyệt danh mục dự án có sử dụng đất, kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

2. Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền cho người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt hồ sơ mời sơ tuyển, kết quả sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật, danh sách xếp hạng nhà đầu tư.

3. Chủ tịch UBND tỉnh giao cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh hoặc UBND cấp huyện làm bên mời thầu trong lựa chọn nhà đầu tư:

a) Chủ tịch UBND cấp huyện làm bên mời thầu dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc địa bàn mà UBND cấp huyện là đơn vị quản lý dự án sau đầu tư.

b) Cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh làm bên mời thầu dự án đầu tư có sử dụng đất trong lĩnh vực, chuyên ngành phụ trách và các dự án khác do Chủ tịch UBND tỉnh giao.

4. Bên mời thầu có thể lựa chọn tổ chức tư vấn độc lập có đủ năng lực theo quy định để thực hiện một số hoặc toàn bộ nội dung công việc trong trách nhiệm của mình.

5. Giao bộ phận có chức năng về kế hoạch, tài chính của cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, UBND cấp huyện chịu trách nhiệm thẩm định nội dung hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả sơ tuyển, danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Điều 11. Các hình thức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án

Bên mời thầu đề xuất hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP trong kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, phê duyệt làm cơ sở triển khai lựa chọn nhà đầu tư.

Điều 12. Trình tự lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư

- Cơ quan giải quyết: UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bên mời thầu.

- Trình tự giải quyết: Lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25, Điều 26 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

2. Tổ chức lựa chọn nhà đầu tư

a) Đấu thầu rộng rãi lựa chọn nhà đầu tư

- Cơ quan giải quyết: UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bên mời thầu.

- Trình tự giải quyết: Thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

b) Chỉ định nhà đầu tư

- Cơ quan giải quyết: UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Bên mời thầu.

- Trình tự giải quyết: Thực hiện theo các quy định tại Điều 67, Điều 68, Điều 69, Điều 70, Điều 71, Điều 72 Nghị định số 25/2020/NĐ-CP.

Điều 13. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

1. Nhà đầu tư được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực.

2. Căn cứ quy mô, tính chất của dự án, giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng được quy định trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu theo mức xác định từ 1% đến 3% tổng mức đầu tư của dự án theo quy định.

3. Thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tính từ ngày hợp đồng được ký chính thức đến ngày công trình được hoàn thành và nghiệm thu hoặc ngày các điều kiện bảo đảm việc cung cấp dịch vụ được hoàn thành theo quy định của hợp đồng. Trường hợp cần gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng, phải yêu cầu nhà đầu tư gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

4. Nhà đầu tư không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực.

b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng.

c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

Phần 3

QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯƠNG ĐẦU TƯ, GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ; BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 14. Quyết định chủ trương đầu tư

1. Cơ quan giải quyết: UBND tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư

2. Đối tượng

a) Dự án được Nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá, đấu thầu hoặc nhận chuyển nhượng; dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất.

b) Dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ.

3. Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư được chuẩn hóa và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 15. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

1. Đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh

a) Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước không phải thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

b) Trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định.

2. Đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh

a) Cơ quan giải quyết: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Đối tượng:

- Dự án đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài.

- Dự án đầu tư của nhà đầu tư trong nước (nếu có nhu cầu).

- Dự án đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 1 Điều 23 của Luật Đầu tư.

c) Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư được chuẩn hóa và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 16. Bảo đảm thực hiện dự án đầu tư

1. Cơ quan giải quyết: Sở Kế hoạch và Đầu tư

2. Đối tượng:

Nhà đầu tư phải ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư, trừ các trường hợp sau:

a) Nhà đầu tư trúng đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê.

b) Nhà đầu tư trúng đấu thầu thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

c) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trên cơ sở nhận chuyển nhượng dự án đầu tư đã thực hiện ký quỹ hoặc đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn theo tiến độ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản quyết định chủ trương đầu tư.

d) Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của người sử dụng đất khác.

đ) Nhà đầu tư là đơn vị sự nghiệp có thu, công ty phát triển khu công nghệ cao được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để phát triển kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế.

3. Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

Mục 3

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG HOẶC KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG; THU HỒI ĐẤT VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ; GIAO ĐẤT, CHO THUÊ ĐẤT, CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT; CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Điều 17. Báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Cơ quan giải quyết: Sở Tài nguyên và Môi trường

2. Đối tượng: Quy định tại Phụ lục II Mục I Danh mục dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện đánh giá tác động môi trường (Ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

3. Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường được chuẩn hóa và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 18. Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường

1. Cơ quan giải quyết

a) Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của các đối tượng quy định tại Phụ lục IV Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và dự án, cơ sở sản xuất, kinh doanh dịch vụ quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật Bảo vệ môi trường.

b) UBND cấp huyện xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP, trừ các đối tượng quy định tại Điểm a Khoản này.

2. Đối tượng: Quy định tại Phụ lục II Mục I Danh mục dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc dự án, phương án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường thực hiện đánh giá tác động môi trường (Ban hành kèm theo Nghị định số 40/2019/NĐ-CP).

3. Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường được chuẩn hóa và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 19. Thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Thực hiện theo Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Bắc Ninh ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và thực hiện trình tự thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; bồi thường, hỗ trợ và tái định cư trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 20. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

1. Cơ quan giải quyết: Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Đối tượng: Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

3. Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài nguyên và Môi trường được chuẩn hóa và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Mục 4

THỎA THUẬN ĐẤU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT; THIẾT KẾ CƠ SỞ; PHÊ DUYỆT DỰ ÁN; THẨM DUYỆT THIẾT KẾ KỸ THUẬT, BẢN VẼ THI CÔNG, PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY; CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

Điều 21. Thỏa thuận đấu nối hạ tầng kỹ thuật (cấp thoát nước, cấp điện...)

1. Cơ quan giải quyết: Nhà đầu tư liên hệ trực tiếp cơ quan, đơn vị có thẩm quyền để được hướng dẫn đấu nối hạ tầng kỹ thuật, cụ thể:

a) Các doanh nghiệp khai thác kinh doanh nước sạch, thoát nước đô thị tại khu vực đầu tư: Đối với thủ tục đấu nối hệ thống cấp nước, thoát nước.

b) Công ty Điện lực Bắc Ninh: Đối với thủ tục đấu nối hệ thống cấp điện.

c) Các cơ quan quản lý chuyên ngành: Đối với công trình liên quan đê điều, thủy lợi, giao thông...

2. Đối tượng: Nhà đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư.

3. Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Các đơn vị có thẩm quyền hướng dẫn, xem xét, chấp thuận thủ tục đấu nối hạ tầng kỹ thuật quy định tại Khoản 1 Điều này khi nhận được đề nghị của Nhà đầu tư.

Điều 22. Thẩm định thiết kế cơ sở

1. Cơ quan giải quyết:

a) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 58 của Luật Xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75 m; dự án đầu tư xây dựng công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình cấp II, cấp III được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh.

Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở về các nội dung quy định tại Khoản 2, Điều 58 của Luật Xây dựng (trừ phần thiết kế công nghệ) của dự án đầu tư xây

dựng có công trình cấp I trở lên (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75m).

b) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định toàn bộ nội dung dự án theo quy định tại Điều 58 Luật Xây dựng năm 2014, trừ các nội dung thẩm định thiết kế cơ sở do cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện được quy định tại các Điểm a Khoản này.

2. Đối tượng: Dự án ĐTXD công trình cấp I; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình có quy mô từ cấp III trở lên.

3. Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng được chuẩn hóa và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 23. Thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy

1. Cơ quan giải quyết: Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng: Nhà đầu tư có dự án, công trình thuộc danh mục quy định tại Phụ lục IV ban hành theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy nộp hồ sơ tại Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bắc Ninh phải thực hiện thẩm duyệt thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế 1 bước) hoặc xin ý kiến về giải pháp PCCC đối với thiết kế cơ sở và thẩm duyệt thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế 02 bước).

3. Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 79/2014/NĐ-CP.

Điều 24. Phê duyệt dự án

Nhà đầu tư quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trong phạm vi quyền hạn theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ và Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

Điều 25. Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công

1. Cơ quan giải quyết

a) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước), thiết kế bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình nhà ở có quy mô dưới 25 tầng chiều cao không quá 75 m; công trình công cộng, công trình xây dựng có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn cộng đồng đối với công trình cấp II, III được xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh.

Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng quản lý công trình xây dựng chuyên ngành chủ trì tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật (trường hợp thiết kế ba bước); thiết kế

bản vẽ thi công (trường hợp thiết kế hai bước) của công trình cấp I trở lên (trừ dự án đầu tư xây dựng công trình nhà ở quy mô dưới 25 tầng có chiều cao không quá 75m).

b) Người quyết định đầu tư tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng của các công trình còn lại; tổ chức thẩm định phần thiết kế công nghệ (nếu có) và dự toán xây dựng đối với các công trình quy định tại các Điểm a Khoản này.

2. Đối tượng: Dự án đầu tư xây dựng công trình cấp I trở lên; công trình công cộng, công trình có ảnh hưởng lớn đến cảnh quan, môi trường và an toàn của cộng đồng đối với công trình có quy mô từ cấp III trở lên.

3. Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng được chuẩn hóa và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 26. Giấy phép xây dựng (sau đây gọi tắt là GPXD)

1. Cơ quan giải quyết

a) Chủ tịch UBND tỉnh cấp GPXD đối với các công trình xây dựng cấp I, Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Chủ tịch UBND tỉnh uỷ quyền Giám đốc Sở Xây dựng cấp GPXD đối với các công trình xây dựng cấp II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được xây dựng ở ngoài khu công nghiệp tập trung.

c) Chủ tịch UBND cấp huyện cấp GPXD đối với các công trình còn lại.

d) Cơ quan có thẩm quyền cấp GPXD là cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi GPXD do mình cấp.

2. Đối tượng: Các công trình xây dựng trừ các công trình được miễn cấp GPXD theo quy định tại Điều 89 Luật Xây dựng.

3. Thành phần hồ sơ và trình tự giải quyết: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh công bố danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng được chuẩn hóa và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ, xây dựng quy trình trình tự giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư xây dựng từ khâu tiếp nhận, xử lý hồ sơ cho đến khi trả kết quả cho nhà đầu tư tại Trung tâm Hành chính công tỉnh.

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chịu trách nhiệm về quy trình lựa chọn nhà đầu tư; Quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Bảo đảm thực hiện dự án đầu tư.

Chỉ đạo Trung tâm xúc tiến đầu tư, thương mại và du lịch thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, công bố mẫu hồ sơ lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư có sử dụng đất làm cơ sở để bên mời thầu áp dụng thực hiện lựa chọn nhà đầu tư theo quy định hiện hành.

b) Sở Xây dựng chịu trách nhiệm về quy trình Giới thiệu địa điểm (khi có yêu cầu) và quy hoạch xây dựng; Thiết kế cơ sở; Thẩm, duyệt thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công; Cấp giấy phép xây dựng.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm về quy trình Đánh giá tác động môi trường; Thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

d) Sở quản lý xây dựng chuyên ngành chịu trách nhiệm thẩm định thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công.

2. Đối với các thủ tục hành chính cần lấy ý kiến của các đơn vị liên quan thì các đơn vị đó phải có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đúng thời gian, đúng nội dung khi được cơ quan chủ trì, đầu mối yêu cầu và phải chịu trách nhiệm về những vấn đề liên quan thuộc chức năng quản lý của mình.

Văn bản trả lời phải thể hiện đầy đủ các nội dung xin ý kiến, nội dung những vấn đề đồng ý, những vấn đề không đồng ý, những nội dung cần bổ sung hoàn chỉnh và nêu rõ lý do. Quá thời gian quy định nếu đơn vị được xin ý kiến không trả lời hoặc không báo cáo về lý do chậm trễ hoặc trả lời chung chung (không rõ quan điểm đồng ý hay không) thì được coi như đã chấp thuận và người đứng đầu đơn vị hoàn toàn chịu tránh nhiệm về những vấn đề liên quan thuộc chức năng quản lý của đơn vị mình theo quy định. Cơ quan chủ trì, đầu mối được phép thực hiện các bước tiếp theo đã được quy định.

3. Các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này, tổng hợp kết quả thực hiện, định kỳ 6 tháng, hàng năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Điều 28. Xử lý vi phạm

1. Mọi hoạt động làm trái, hoặc không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ theo quy định tại Quy định này và các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư và quản lý dự án đầu tư bằng nguồn vốn ngoài nhà nước trên địa bàn tỉnh đều bị coi là vi phạm. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp huyện và các tổ chức, cá nhân, nhà đầu tư liên quan đến dự án phải chịu trách nhiệm theo chức năng, thẩm quyền được giao.

2. Căn cứ vào mức độ vi phạm, các Sở, ban, ngành chức năng, UBND cấp huyện có liên quan xử lý vi phạm theo thẩm quyền hoặc đề xuất UBND tỉnh xử lý về các lĩnh vực quản lý: Đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai và môi trường theo quy định.

3. Việc xử lý vi phạm hành chính thực hiện theo quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và đầu tư và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 29. Tổ chức thực hiện

1. Quy định này được niêm yết và thực hiện tại Trung tâm hành chính công tỉnh; các sở, ngành, địa phương có trách nhiệm thực hiện đúng theo quy định này. Trung tâm hành chính công tỉnh có trách nhiệm tổ chức, đôn đốc và giám sát việc triển khai thực hiện.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, các cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, các tổ chức, cá nhân và các nhà đầu tư phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, sửa đổi bổ sung cho phù hợp./.